

TP. Sóc Trăng, ngày 11 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 290/2020/TLST/HNGĐ ngày 16/11/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**; Địa chỉ: Số 152A, đường C, khóm 3, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.(có mặt).

- Bị đơn: Ông **Lưu Văn C**; Địa chỉ: Số 152A, đường C, khóm 3, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03/12/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03/12/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn C thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể N sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn C thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Sau khi ly hôn bà Trần Thị T và ông Lưu Văn C thống nhất giao cháu Lưu Thị Diễm M, sinh ngày 28/8/2004; Lưu Thị Mẫn Ng, sinh ngày 29/11/2008 cho ông Lưu Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu cháu Lưu Thị Diễm M, sinh ngày 28/8/2004; Lưu Thị Mẫn Ng, sinh ngày

29/11/2008 đủ 18 tuổi. Còn cháu Lưu Thị Ái N, sinh ngày 23/12/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.3 Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị T không cấp dưỡng nuôi cháu Lưu Thị Diễm M, sinh ngày 28/8/2004; Lưu Thị Mẫn Ng, sinh ngày 29/11/2008.

Bà Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lưu Thị Diễm M, sinh ngày 28/8/2004; Lưu Thị Mẫn Ng, sinh ngày 29/11/2008, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.4 Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn C tự khai ông, bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2.5 Nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn C tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2.6 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu là 150.000 đồng Nng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Trần Thị T đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004783 ngày 06-11-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền án phí chênh lệch là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh. Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND phường 9, TP. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định

